

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4783** /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày **19** tháng **12** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015
của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.

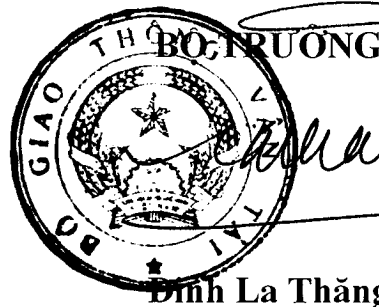
Điều 2. Kinh phí tổ chức thực hiện được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên của các cơ quan thực hiện nhiệm vụ và nguồn kinh phí khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thủ trưởng;
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC.



Đinh La Thăng



KẾ HOẠCH

KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2015 CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4183 /QĐ-BGTVT
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng đơn giản hóa, từng bước xóa bỏ các TTHC không cần thiết; xây dựng hệ thống TTHC trong lĩnh vực Giao thông vận tải hiệu quả, công khai, minh bạch; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tạo thuận lợi và giảm tối đa chi phí cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, đồng thời giảm chi phí cho cơ quan giải quyết TTHC.

2. Tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ nhiệm vụ hệ thống hóa, rà soát và đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải theo Đề án của Chính phủ.

3. Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ theo đúng quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải và triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa.

Cơ quan chủ trì: Vụ Pháp chế.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Sản phẩm: Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và tổ chức triển khai thực hiện.

Thời gian thực hiện: Năm 2015.

2. Rà soát thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Giao thông vận tải chủ trì trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và những văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Cơ quan tổng hợp: Vụ Pháp chế.

Sản phẩm: Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính được rà soát.

Danh mục TTHC cần rà soát tại các văn bản quy phạm pháp luật và thời gian hoàn thành báo cáo cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Kiểm soát các quy định về thủ tục hành chính tại các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký ban hành.

Cơ quan thực hiện: Vụ Pháp chế.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Sản phẩm: Văn bản tham gia ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính theo đúng quy định; kiểm soát dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi Bộ trưởng ký ban hành.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Thống kê, công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải.

Cơ quan thực hiện: Các Vụ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ.

Cơ quan tổng hợp: Vụ Pháp chế

Sản phẩm: dự thảo Quyết định công bố TTHC trình Bộ trưởng.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Cập nhật và công khai TTHC, văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Cơ quan thực hiện: Vụ Pháp chế.

Sản phẩm: Văn bản đề nghị công khai TTHC, văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Tổ chức tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thuộc phạm vi giải quyết của Bộ.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Giao thông vận tải.

Cơ quan thực hiện: cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Thời gian thực hiện: Năm 2015.

8. Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Cơ quan tổng hợp: Vụ Pháp chế.

Sản phẩm:

- Báo cáo đề xuất phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư trong phạm vi chức năng quản lý của Bộ gửi Ban chỉ đạo Đề án.

- Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi quản lý của Bộ gửi Ban Chỉ đạo Đề án.

Thời gian thực hiện: Năm 2015.

9. Tuyên truyền về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Sản phẩm:

- Tin bài trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị trực thuộc

- Tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp khác.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải theo các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi về Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Vụ Pháp chế chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết để bảo đảm Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2015 được thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ.

3. Kinh phí thực hiện: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao./.

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC CẦN RÀ SOÁT NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Cơ quan tổng hợp
I- Lĩnh vực Đường bộ					
1	Nhóm TTHC tại Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/2/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Tháng 03	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Các Vụ: KHCVN, VT, MT, ATGT; TCĐBVN	Vụ Pháp chế
2	Nhóm TTHC tại Thông tư số 07/2010/TT- BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ	Tháng 04	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Các Vụ: KCHTGT, VT, KHCVN, ATGT; Cục ĐKVN	Vụ Pháp chế
3	Nhóm TTHC tại Thông tư số 46/2012/TT-BGTVT ngày 07/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và Thông tư số 38/2013/TT-BGTVT ngày 24/10/2013, Thông tư số 48/2014/TT-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi Thông tư số 46/2012/TT-BGTVT	Tháng 6	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Các Vụ: TCCCB, VT	Vụ Pháp chế
4	Nhóm TTHC tại Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 41/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT	Tháng 03	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Các Vụ: KHCVN, MT, VT; TCĐBVN	Vụ Pháp chế

II- Lĩnh vực Hàng không

5	Nhóm TTHC tại Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 của Chính phủ về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng	Tháng 02	Cục Hàng không Việt Nam	Các Vụ: VT, HTQT	Vụ Pháp chế
6	Nhóm TTHC tại Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Tháng 02	Cục Hàng không Việt Nam	Các Vụ: KCHTGT, VT	Vụ Pháp chế
7	Nhóm TTHC tại Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay	Tháng 03	Cục Hàng không Việt Nam	Các Vụ: ATGT, KHCN, VT	Vụ Pháp chế
8	Nhóm TTHC tại Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Sau khi Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 83/2007/NĐ-CP được Chính phủ ký ban hành	Cục Hàng không Việt Nam	Các Vụ: KCHTGT, MT, VT	Vụ Pháp chế

III – Lĩnh vực Đường thủy nội địa

9	Nhóm TTHC tại Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 ban hành quy định về đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 34/2011TT-BGTVT ngày 26/4/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 và tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000	Tháng 03	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Các Vụ: KHCN, VT, ATGT; Cục ĐTNĐVN	Vụ Pháp chế
---	--	----------	------------------------	------------------------------------	-------------

IV- Lĩnh vực Đường sắt

10	Nhóm TTHC tại Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 01/01/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định Điều lệ đường ngang	Tháng 05	Cục Đường sắt Việt Nam	Các Vụ: KCHTGT, ATGT	Vụ Pháp chế
11	Nhóm TTHC tại Quyết định số 60/2005/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2005 ban hành Quy định về việc cấp giấy phép xây dựng, thực hiện hoạt động trong phạm vi đất dành cho đường sắt và Thông tư số 28/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011	Tháng 05	Cục Đường sắt Việt Nam	Các Vụ: KCHTGT, ATGT	Vụ Pháp chế
12	Nhóm TTHC tại Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03/4/2009 quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT ngày 6/5/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT	Tháng 6	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Các Vụ: KHCVN, ATGT, MT; Cục ĐSVN	Vụ Pháp chế

V- Lĩnh vực Hàng hải

13	Nhóm TTHC tại Thông tư số 07/2012/TT-BGTVT ngày 21/3/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Tháng 05	Cục Hàng hải VN	Các Vụ: TCCB, VT,	Vụ Pháp chế
----	---	----------	-----------------	-------------------	-------------

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG VÀ LỘ TRÌNH CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TRONG NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

TT	Tên dịch vụ công (tên thủ tục/nhóm thủ tục hành chính)	Mức độ DVCTT 2015	Cơ quan thực hiện
1	Cấp lại giấy phép lái tàu	3	Cục Đường sắt Việt Nam
2	Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	3	
3	Cấp lại chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	3	
4	Đổi chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	3	
5	Cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	3	
6	Cấp lại chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	3	
7	Đổi chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	3	
8	Gia hạn Giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt quốc gia, hành lang an toàn đường sắt quốc gia đối với các công trình sau đây khi xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo: Cầu, cầu vượt, hầm chui; Các loại cống có diện tích thoát nước từ 1m ² trở lên; Các loại đường ống (kể cả đường ống bảo vệ) có đường kính từ 500mm trở lên; Các công trình và đường dây điện có điện áp từ 35KV trở lên	2	
9	Cung cấp thông tin, trích lục, bản sao trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam	3	Cục Hàng không Việt Nam
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay được thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất ở Việt Nam	3	
11	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu	3	Cục Đăng kiểm Việt Nam
12	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy	3	
13	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện nhập khẩu	3	
14	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu	3	
15	Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện	3	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
16	Cấp lại Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện	3	

17	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	3	
18	Công bố lại cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài thuộc đường thủy nội địa Quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa Quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trở lên	3	
19	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	3	Tổng cục Đường bộ Việt Nam
20	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	3	
21	Cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	3	
22	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp khai thác vận tải giữa Việt Nam và Cam Pu Chia	3	
23	Cấp Giấy phép vận tải loại D đối với phương tiện của Trung Quốc	3	
24	Cấp Giấy phép vận tải loại A, E; loại B, C, F, G lần đầu trong năm	3	
25	Cấp sổ thuyền viên	3	
26	Cấp lại sổ thuyền viên	3	
27	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	3	
28	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt	3	
29	Cấp lại Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận	3	
30	Cấp lại Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	3	
31	Cấp mới Hộ chiếu thuyền viên	4	
32	Cấp lại Hộ chiếu thuyền viên	4	
33	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	4	
34	Gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	4	
35	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	4	
36	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	4	
37	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu chuyển vùng hoạt động	4	

38	Gia hạn Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	4	
39	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	4	
40	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện	4	
41	Gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	4	
42	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	4	
43	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	4	
44	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	4	
45	Phê duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	4	